

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiêu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Hoàng S quen biết nhau thông qua mai mối, tìm hiểu nhau một thời gian ngắn rồi kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2001 ngày 10/10/2001. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau làm ăn nhưng khoảng năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng tôi thường xuyên đi nhậu, khi về chửi bới, xúc phạm và đánh tôi nhiều lần. Thời gian gần đây anh S không còn đánh tôi do cha mẹ và gia đình khuyên nhưng vẫn còn nhậu say về chửi bới tôi, anh S thường xuyên

nhậu hằng ngày. Việc anh Snhậu về say xỉn chửi bới, đánh tôi đã kéo dài hơn 10 năm nay nhưng vì thương các con nên tôi cố nhường nhịn để lo cho các con. Tuy nhiên, đến nay anh Svẫn không thay đổi và các con tôi đã lớn nên nay tôi yêu cầu ly hôn với anh S . Hơn 02 tháng nay chúng tôi sống ly thân với nhau, tôi về xã Đ sinh sống cùng với cha mẹ ruột tôi. Nay nhận thấy anh Skhông thay đổi tính tình, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh S .

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 03/02/2004 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 06/8/2009. Ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 06/8/2009 do cháu Gsinh sống chung tôi từ lúc ly thân đến nay. Cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 03/02/2004 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi không yêu cầu anh Scấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S trình bày:* Về thời gian kết hôn và con chung tôi thống nhất với lời trình bày của chị T. Tôi thừa nhận có nhậu do tôi đi làm hồ có nhậu chung với bạn cùng làm. Trước đây tôi có chửi và đánh chị T do tức giận chuyện mâu thuẫn gia đình vì vợ tôi không lo làm việc nhà, lo cơm nước. Hơn 02 tháng nay chị T bỏ về nhà mẹ chị T sống. Do tình cảm vợ chồng còn nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 03/02/2004 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 06/8/2009. Do cháu Gcó ý kiến muốn sống chung với mẹ nên nếu vợ chồng tôi ly hôn tôi giao cháu Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 06/8/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 03/02/2004 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị T và anh Skết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2001 ngày 10/10/2001 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S có nơi cư trú tại xã P,

huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh Sxuất phát từ việc anh Sthường xuyên đi nhậu, say xỉn chửi bới, xúc phạm và đánh chị nhiều lần. Việc anh Snhậu về say xỉn chửi bới, đánh chị đã kéo dài hơn 10 năm nay nhưng vì thương các con còn nhỏ nên chị nhường nhịn để lo cho các con. Hơn 10 năm nay chị và anh Ssống chung nhà nhưng rất ít khi nói chuyện, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hơn 02 tháng nay chị và anh Ssống ly thân nhau, chị T về sinh sống cùng với cha mẹ ruột tại xã Đ. Anh Skhông đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với chị T nên muốn sống chung để lo cho các con.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết mong muốn được ly hôn với anh S, không đồng ý đoàn tụ vì chị đã cho anh Ssống hội nhiều năm nay nhưng anh Skhông thay đổi. Anh Scũng xác định anh và chị T xảy ra mâu thuẫn, từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay mặc dù hai bên có hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Từ nhiều năm nay anh Svà chị T mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng do mâu thuẫn thường xuyên nên ít khi nói chuyện với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, anh Scòn có hành vi bạo lực gia đình đánh chị T nhiều lần trong lúc mâu thuẫn. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay anh Svà chị T cũng không có biện pháp hòa giải nào hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh Svà chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Thủy là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Scó 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 03/02/2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 06/8/2009. Tại phiên hòa giải ngày 17/8/2022 anh Scó ý kiến nếu vợ chồng anh ly hôn thì anh tôn trọng ý kiến của cháu Gvề việc muốn sống chung với cha hay với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tại bản tự khai ngày 17/8/2022, cháu Gcó nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị T. Ngoài ra từ khi chị T và anh Ssống ly thân đến nay, cháu Gsống chung với chị T. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu Gtiếp tục giao cháu Gcho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Scấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 03/02/2004 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, tài sản chung: Chị T và anh Skhông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 06/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Schura phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu.

Anh Scó quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016482 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hoàng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang